



chuàng zào lì

创造力

noun · creativity

Example Sentences

Hái zǐ de chuàng zào lì xū yào bèi gǔ lì
孩子的创造力需要被鼓励。

Children's creativity needs to be encouraged.

Zhè ge shè jì zhǎn xiàn le hěn qiáng de chuàng zào lì
这个设计展现了很强的创造力。

This design shows strong creativity.

Trace each character, then write the word on your own.

创	创	创	创	创	创	创	创	创		
造	造	造	造	造	造	造	造	造	造	造
造	造									
力	力	力	力	力						